

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: TPL23B1KH Năm học: 24-25
Mã MH/MĐ: MH001102 Học kỳ: 02
Tên MH/MĐ: Kiến tập
Số TC: 1

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2353801015277	Nguyễn Trung An	19/05/1987	9	8.0	8.0		8.1
2	2353801015279	Nguyễn Bé Dư	04/05/1982	9	8.0	8.0		8.1
3	2353801015280	Lê Thanh Dũng	01/01/1965	9	7.5	7.5		7.7
4	2353801015281	Huỳnh Văn Đèo	18/03/1988	9	9.0	9.0		9.0
5	2353801015282	Nguyễn Tạ Trúc Giang	19/09/1982	9	8.5	8.5		8.6
6	2353801015283	Nguyễn Thị Giang	21/06/1990	9	7.5	7.5		7.7
7	2353801015284	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	01/11/1985	9	8.5	8.5		8.6
8	2353801015285	Lê Minh Hiền	20/02/2001	9	7.5	7.5		7.7
9	2353801015286	Nguyễn Văn Hiền	06/12/1983	9	8.0	8.0		8.1
10	2353801015287	Thái Xuân Hoàng	02/09/1988	9	8.0	8.0		8.1
11	2353801015289	Huỳnh Quốc Huy	18/10/1993	9	8.0	8.0		8.1
12	2353801015290	Nguyễn Hoàng Khanh	01/12/1982	9	7.5	7.5		7.7
13	2353801015291	Nguyễn Thị Diễm Kiều	14/03/1985	9	9.0	9.0		9.0
14	2353801015292	Phạm Thị Mỹ Lệ	04/05/1983	7	7.5	7.5		7.4
15	2353801015293	Ngô Văn Nấm	19/11/1975	9	8.0	8.0		8.1
16	2353801015294	Trịnh Thị Kim Ngân	15/11/1993	9	9.0	9.0		9.0
17	2353801015295	Trần Văn Nghé	19/05/1985	9	8.5	8.5		8.6
18	2353801015296	Huỳnh Văn Nghĩa	08/05/1974	9	8.5	8.5		8.6
19	2353801015297	Nguyễn Đức Nhã	20/05/1974	9	8.5	8.5		8.6
20	2353801015298	Lê Thành Nhân	10/05/1988	9	8.0	8.0		8.1
21	2353801015368	Lê Thị Ngọc Thảo	12/08/1987	9	9.0	9.0		9.0
22	2353801015375	Nguyễn Minh Thuận	19/09/2003	9	8.5	8.5		8.6

Châu Đốc, ngày 30 tháng 10 năm 2025

TP. Đào tạo Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng Trịnh Phương Thùy